TAND HUYỆN PHÚ XUYÊN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10/7/2019
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tuấn Anh và bà Đỗ Thị Hường

- Ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung –Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên toà: Ông Bùi Quốc Trưởng - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXX/HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị H, sinh năm 1988; HKTT: 113/11/90, khu phố 7, phường T, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; HKTT: Thôn G, xã B, huyện P, thành phố Hà Nội. (Anh T đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T từ năm 2011, là hôn nhân tự nguyện, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ph, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh T tại thôn G, xã B, huyện P sau đó thì chuyển vào Nam làm ăn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn ngoài tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm, phía anh T còn có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Tháng 01/2017, anh T tự bỏ về quê ở xã B, huyện P sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không còn quan hệ gì với nhau nữa.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu nên chị làm đơn đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Minh H sinh ngày 07/01/2012 và Nguyễn Phúc Gia B sinh ngày 29/10/2016 hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh Nguyễn Văn T:

Quá trình tố tụng, mặc dù có mặt tại địa phương và đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh T vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã phải làm việc với bà Trương Thị P (mẹ đẻ anh T). Theo bà P cung cấp thì anh T đã về sinh sống với bà từ năm 2017 tại thôn G, xã B nhưng thỉnh thoảng có đi làm ăn xa vài ngày. Bà P đã nhận và thông báo đến anh T các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa... liên quan đến vụ án chị H xin ly hôn anh T, còn việc anh T có đến Tòa làm việc hay không thì đó là quyền của anh T. Cũng theo bà P cung cấp thì cuộc hôn nhân giữa anh T và chị H đã có mâu thuẫn từ rất lâu khiến anh T phải bỏ về quê sinh sống và ly thân với chị H từ đầu năm 2017, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án thì anh T có nhờ bà chuyển lời đến Tòa là anh đồng ý ly hôn chị H, đồng ý để chị H nuôi cả hai con chung và xin được tạm miễn việc góp phí tổn nuôi con vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

UBND xã B, nơi cư trú của anh T có quan điểm :

Tại thời điểm giải quyết, anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại bình thường tại địa phương; mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng do ly thân nhiều năm, hôn nhân tồn tại chỉ còn là hình thức... nên cần giải quyết cho ly hôn để giải phóng cho cả hai bên; do anh T hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có điều kiện chăm sóc con chung nên đề nghị giao cả hai con chung là Nguyễn Minh H sinh ngày 07/01/2012 và Nguyễn Phúc Gia B sinh ngày 29/10/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đồng thời tạm miễn việc góp phí tổn nuôi con cho anh T.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; đương sự có mặt đã thực hiện đây đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghi Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H; giao cả hai con chung là Nguyễn Minh

H sinh ngày 07/01/2012 và Nguyễn Phúc Gia B sinh ngày 29/10/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; về tài sản chung và công nợ các bên không yêu cầu nên không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do nơi cư trú của bị đơn thuộc xã B, huyện P, thành phố Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do anh Nguyễn Văn T vẫn đang cư trú, sinh sống bình thường tại địa phương, mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ và hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, thuộc trường hợp cố tình lẩn tránh nên không cần có sự có mặt của anh T,Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử bình thường.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Tháng 01/2011, chị Trần Thị H kết hôn với anh Nguyễn Văn T là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện P, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống với gia đình anh T ở thôn G, xã B sau đó thì cùng vào nam làm ăn và sống tại khu phố 7, phường T, quân 12, thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và không hòa hợp tính cách. Do mâu thuẫn trầm trọng, đầu năm 2017 anh T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã B, huyện P và sống ly thân với chị H cho đến nay. Do tình cảm không còn, ly thân nhiều năm, chị H chủ động có đơn xin ly hôn anh T, phía anh T mặc dù không đến Tòa án làm việc nhưng thông quan mẹ đẻ là bà Trương Thị P bày tỏ quan điểm đồng ý ly hôn chị H.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, cả hai phía đều có chung nhận thức tình cảm đã từ lâu không còn tồn tại, trong thâm tâm đã chấp nhận việc ly hôn... nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H để giải phóng cho cả hai bên.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Minh H sinh ngày 07/01/2012 và Nguyễn Phúc Gia B sinh ngày 29/10/2016. Ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không đề nghị anh T cấp

dưỡng nuôi con chung. Thông qua mẹ đẻ là bà Trương Thị Ph, anh T cũng thể hiện quan điểm về hoàn cảnh khó khăn không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, cấp dưỡng con chung… Vì vậy, nên giao cả hai con chung cho chị H tiếp tục chăm sóc, giáo dục là hợp lẽ.

[4].Về tài sản chung, công nợ chung: Mặc dù phía chị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do phía anh T không có mặt trong quá trình tố tụng, để bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự vắng mặt, cần tách phần tài sản chung công nợ của vợ chồng ra để giải quyết thành một vụ kiện khác khi một trong hai bên hoặc cả hai bên đương sự có đơn yêu cầu.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo*:*

Chị H phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung của chị H, anh T là Nguyễn Minh H sinh ngày 07/01/2012 và Nguyễn Phúc Gia B sinh ngày 29/10/2016 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; tạm miễn cho anh T việc cấp dưỡng nuôi con đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; Anh T được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005390 ngày 23/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Chị H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, báo chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TANDTP Hà Nội*
- *VKSND huyện Phú Xuyên*
- *Chi cục THA huyện Phú Xuyên*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phùng Văn Phong